



I. Nội dung ôn tập

Nội dung kiểm tra: Kiến thức từ Bài 1 đến Bài 8 (SGK Kết nối tri thức)

Mục tiêu: Học sinh ôn tập kiến thức trong chương trình học kì 1: Các kiến thức cơ bản về chủ đề: Máy tính và cộng đồng; Mạng máy tính và Internet; Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin.

II. Một số câu hỏi trắc nghiệm minh họa

Phần I. Trắc nghiệm chọn đáp án đúng nhất

Câu 1: Xem xét tình huống cầu thủ ghi bàn và cho biết bộ não của cầu thủ nhận được thông tin từ những giác quan nào?



- A. Thị giác
- B. Vị giác
- C. Cả 2 đáp án đều đúng
- D. Không có đáp án nào đúng

Câu 2: Một GB xấp xỉ bao nhiêu byte?

- A. Một nghìn byte
- B. Một triệu byte
- C. Một tỉ byte
- D. Một nghìn tỉ byte

Câu 3: Khả năng lưu trữ của một thiết bị nhớ là?

- A. Dung lượng nhớ
- B. Khối lượng nhớ
- C. Thẻ tích nhớ
- D. Năng lực nhớ

Câu 4: Thẻ nhớ sau có dung lượng là bao nhiêu?



- A. 32MB
- B. 32 KB
- C. 32 GB
- D. 32 B

Câu 5: Cho dãy bóng như hình bên dưới, coi mỗi bóng đèn là 1 bit (với hai trạng thái sáng/ tắt, quy ước: 0 là trạng thái tắt của bóng đèn, 1 là trạng thái sáng của bóng đèn).



Chuyển trạng thái sáng/tắt của tất cả bóng đèn theo thứ tự trong hình thành dãy bit:

- A. 01111001
- B. 01101001
- C. 01101010
- D. 01101100

Câu 6: Ví dụ nào sau đây là trình duyệt web?

- A. Google Chrome
- B. Zalo
- C. Word
- D. Excel

Câu 7: WWW là viết tắt của cụm từ nào?

- A. World Wide Web
- B. World Wide Work
- C. Web Wide Word
- D. World Web Window

Câu 8: Công cụ tìm kiếm trên Internet là gì?

- A. Một phần mềm dạy học
- B. Một dịch vụ giúp tìm thông tin trên web
- C. Một thiết bị lưu trữ file
- D. Một chức năng của Word

Câu 9. Ví dụ nào sau đây là công cụ tìm kiếm?

- A. Google B. Excel C. Paint D. TikTok

Câu 10. Khi tìm kiếm thông tin, điều cần chú ý nhất là:

- A. Tìm thật nhiều nhưng không cần chính xác B. Chỉ xem trang có hình ảnh đẹp
C. Chọn lọc thông tin từ nguồn đáng tin cậy D. Tải xuống tất cả nội dung tìm thấy

Câu 11. Khi truy cập Internet, điều nào sau đây là an toàn?

- A. Chia sẻ mật khẩu cho bạn bè B. Nhấn vào liên kết lạ
C. Tải phần mềm không rõ nguồn gốc D. Không cung cấp thông tin cá nhân cho người lạ

Câu 12. Tốc độ kết nối Internet phụ thuộc vào yếu tố nào?

- A. Tên người dùng B. Dải màu màn hình
C. Gói cước và chất lượng mạng D. Hình nền máy tính

Câu 13. Email là dịch vụ dùng để:

- A. Nghe nhạc B. Gửi và nhận thư điện tử
C. Chỉnh sửa ảnh D. Chơi game trực tuyến

Câu 14. Việc nào sau đây là hợp lý khi sử dụng Internet để học tập?

- A. Sao chép toàn bộ bài mà không kiểm tra B. Tìm kiếm tài liệu để tham khảo
C. Gửi bài tập cho người khác làm D. Không đọc nội dung, chỉ xem hình ảnh

Câu 15. Khi sử dụng Internet ở nơi công cộng, cần lưu ý điều gì?

- A. Đăng nhập tài khoản quan trọng trên máy lạ
B. Tự ý tải phần mềm
C. Không đăng xuất sau khi dùng
D. Cẩn thận với wifi công cộng và bảo vệ thông tin cá nhân

Câu 16. Việc lạm dụng Internet có thể gây ra tác hại nào sau đây?

- A. Tăng khả năng tập trung B. Mất nhiều thời gian, ảnh hưởng việc học
C. Giúp ngủ ngon hơn D. Tăng trí nhớ

Câu 17. Một trong những lợi ích của Internet là:

- A. Giúp kết nối và trò chuyện với bạn bè, người thân B. Làm máy tính chạy chậm hơn
C. Bắt buộc phải trả phí mới dùng được D. Chỉ dùng để xem video

Câu 18. Điều nào sau đây là tác hại khi sử dụng Internet quá nhiều?

- A. Giải trí hợp lý B. Học được nhiều kiến thức mới
C. Gây mỏi mắt, ảnh hưởng sức khỏe D. Tăng kỹ năng tìm kiếm

Câu 19. Nội dung nào dưới đây thể hiện lợi ích của Internet?

- A. Lan truyền tin giả B. Cập nhật tin tức nhanh chóng
C. Bị virus xâm nhập D. Nghiện mạng xã hội

Câu 20. Khi sử dụng Internet để giải trí, em nên:

- A. Sử dụng quá lâu mỗi ngày B. Chọn nội dung phù hợp lứa tuổi
C. Xem nội dung xấu để “biết thêm” D. Trò chơi nào cũng có thể chơi

Câu 21. Dấu hiệu của việc dùng Internet không hợp lý là:

- A. Hoàn thành bài tập đúng giờ B. Giảm thời gian học và ngủ
C. Dùng Internet để học tập D. Tra cứu tài liệu cho bài tập

Câu 22. Một trong những nguy cơ khi sử dụng Internet là:

- A. Kết bạn với người lạ không an toàn B. Học trực tuyến dễ dàng
C. Tìm kiếm thông tin tiện lợi D. Liên lạc nhanh với giáo viên

Câu 23. Sử dụng Internet một cách có ích là khi:

- A. Chỉ dùng để chơi game B. Dùng mọi lúc mọi nơi
C. Kết hợp học tập, giải trí lành mạnh và kiểm soát thời gian D. Không bao giờ tắt thiết bị

Câu 24. Từ khóa là gì?

- A. Câu dài mô tả chi tiết
B. Hình ảnh dùng để tìm kiếm
C. Từ hoặc cụm từ ngắn gọn mô tả nội dung cần tìm
D. Một đoạn văn bản

Câu 25. Muốn tìm hình ảnh về “núi lửa”, em cần làm gì?

- A. Gõ chữ "núi lửa" vào ô tìm kiếm rồi chọn mục Hình ảnh
B. Gõ bất kỳ từ nào cũng được
C. Không cần gõ từ khóa
D. Mở máy tính mà không làm gì

Câu 26. Kết quả tìm kiếm hiển thị khi:

- A. Nhấn Enter sau khi nhập từ khóa
B. Tắt trình duyệt
C. Ngắt kết nối Internet
D. Không nhập gì vào ô tìm kiếm

Câu 27. Trang web nào sau đây thường chứa thông tin không chính xác?

- A. Trang của cơ quan giáo dục
B. Trang không rõ nguồn gốc, nội dung giật gân
C. Trang của thư viện
D. Trang báo chính thống

Câu 28. Khi muốn tìm bài hát, video, bản đồ..., em có thể tìm bằng cách:

- A. Gõ từ khóa phù hợp vào công cụ tìm kiếm
B. Gõ số bất kỳ
C. Nhấn nút tìm kiếm nhưng để trống
D. Tắt máy rồi bật lại

Câu 29. Thao tác nào sau đây giúp tìm kiếm chính xác hơn?

- A. Nhập từ khóa dài và lan man
B. Nhập từ khóa ngắn, rõ ràng
C. Viết sai chính tả
D. Không dùng dấu tiếng Việt

Câu 30. Khi khai thác thông tin trên Internet, em nên:

- A. Sao chép toàn bộ nội dung mà không kiểm tra
B. Kiểm tra độ tin cậy của thông tin trước khi sử dụng
C. Tin tất cả những gì trên mạng
D. Chia sẻ thông tin chưa kiểm chứng

Câu 31. Máy tìm kiếm (Search Engine) là gì?

- A. Trang web dùng để xem phim
B. Công cụ giúp tìm kiếm thông tin trên Internet
C. Phần mềm để soạn thảo văn bản
D. Trò chơi trực tuyến

Câu 32. Để tìm kiếm thông tin, em cần làm gì đầu tiên?

- A. Tắt máy tính
B. Mở trình duyệt web
C. Gửi email
D. Chơi game

Câu 33. Địa chỉ trang web còn được gọi là gì?

- A. URL
B. ID
C. PASS
D. CODE

Câu 34. Khi gõ từ khóa vào ô tìm kiếm, em phải làm gì để bắt đầu tìm thông tin?

- A. Nhấn Enter
B. Tắt màn hình
C. Xóa từ khóa
D. Mở phần mềm mới

Câu 35. Máy tìm kiếm trả về kết quả dưới dạng gì?

- A. Danh sách liên kết đến các trang web phù hợp
B. Chỉ hiển thị video
C. Chỉ có hình ảnh
D. Chỉ có trò chơi

Phần II: Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Ghi Đúng hoặc Sai vào ô thích hợp của bảng sau:

Phát biểu	Đúng	Sai
a. Mỗi trang web là một siêu văn bản được gán cho một địa chỉ truy cập.		
b. Cách tổ chức thông tin trên mọi Website đều giống nhau.		
c. Mỗi trang web chỉ mở được bởi một trình duyệt nhất định.		
d. Khi con trỏ di chuyển đến liên kết trên trang web, con trỏ chuột thường chuyển thành hình bàn tay.		

Câu 2. Đánh dấu X vào ô Đúng/Sai tương ứng.

Phát biểu	Đúng	Sai
a. Luôn đọc lại thư điện tử trước khi gửi đi.		
b. Thời gian gửi thư điện tử rất ngắn gần như ngay lập tức.		
c. Thư điện tử không thể gửi cho nhiều người cùng lúc		
d. Cần mở tất cả các tệp đính kèm được gửi cho bạn.		